

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 22/3/2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Chiêu;
2. Bà Nguyễn Hồng Lành.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Danh Văn An - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Bà Đoàn Vũ Loan - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử công khai vụ án thụ lý số 242/2020/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2021 về việc " Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐST - HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị N, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp Mỹ Tường 2, xã Hưng Phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu

- Bị đơn: Anh Phan Văn U (U Lớn), sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp Mỹ Tường 2, xã Hưng Phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu

(Chị Huỳnh Thị N có đơn xét xử vắng mặt, anh Phan Văn U vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án chị Huỳnh Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N và anh U tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2002 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không tôn trọng nhau nên giữa chị N và anh U đã sống ly thân từ năm 2012. Do nhận thấy đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phan Văn U.

- Về con chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phan Văn U đã được Tòa án nhân dân huyện Phước Long niêm yết và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh U vẫn cố tình vắng mặt không lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:**

-Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh U tự nguyện chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy hôn nhân giữa hai người là không hợp pháp, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận chị Huỳnh Thị N và anh Phan Văn U là vợ chồng.

+ Về con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu;

+ Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu;

+ Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Huỳnh Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Phan Văn U là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Anh Phan Văn U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị N và anh U là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh U tự nguyện sống chung từ năm 2002 và không có đăng ký kết hôn đúng theo quy định. Đến khoảng năm 2012 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ thời điểm trên cho đến nay.

- Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.*”

- Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.*”

Xét thấy: Chị Huỳnh Thị N và anh Phan Văn U có đủ điều kiện để kết hôn theo quy định nhưng không đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa chị N, anh U là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Nay chị N yêu cầu ly hôn, căn cứ theo khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để tuyên bố không công nhận chị N và anh U là vợ chồng.

[3] Về con chung, tài sản chung: không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Huỳnh Thị N phải chịu 300.000 đồng, chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị N. Không công nhận chị Huỳnh Thị N và anh Phan Văn U là vợ chồng.

- *Về con chung*: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu;

- *Về tài sản chung*: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

- Về án phí: Chị Huỳnh Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị N đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009550 ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long được chuyển thu.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phước Long;
- THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Thanh Liêm